

PHIẾU SỐ 7

ĐIỂM SỐ

Họ tên:

Nhận xét:

(Ước mơ chỉ thành hiện thực khi bạn nỗ lực hành động,

Hãy hành động vì ước mơ của bạn !)

=====^^=====

BÀI 7: TẬP HỢP SỐ THỰC

I. TẬP HỢP SỐ THỰC

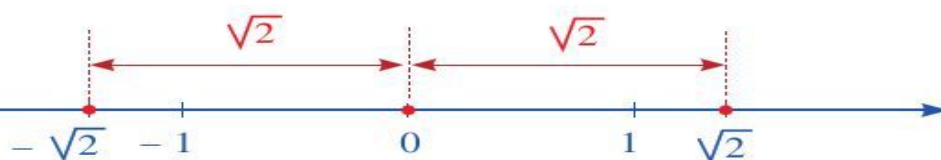
1. Số hữu tỉ và số vô tỉ được gọi chung là số thực. Tập hợp các số thực được kí hiệu là $\mathbb{R}$.

2. Ta có $\mathbb{N} \subset \mathbb{Z} \subset \mathbb{Q} \subset \mathbb{R}$.

Câu 1: Quan sát bảng sau rồi cho biết các số cột đầu tiên, thuộc các tập số nào ở các cột còn lại

Số	Tập $\mathbb{N}$	Tập $\mathbb{Z}$	Tập $\mathbb{Q}$	Tập $\mathbb{I}$	Tập $\mathbb{R}$
5					
-7					
$\frac{3}{5}$					
$\sqrt{5}$					

II. SỐ ĐỐI CỦA SỐ THỰC – GIÁ TRỊ TUYỆT ĐỐI CỦA SỐ THỰC



- Hai điểm biểu diễn các số thực $-\sqrt{2}$ và $\sqrt{2}$ nằm về hai phía của gốc



- Trên trục số, hai số thực (phân biệt) có điểm biểu diễn nằm về hai phía của điểm gốc 0 và cách đều điểm gốc 0 được gọi là hai số đối nhau.
- Số đối của số thực a kí hiệu là $-a$.
- Số đối của số 0 là 0.

0 và cách đều điểm 0, ta nói $-\sqrt{2}$ và $\sqrt{2}$ là hai số đối nhau.

- Khoảng cách từ điểm a trên trục số tới gốc 0 gọi là giá trị tuyệt đối của số a , kí hiệu $|a|$

Kết quả 01:

- Số đối của số dương là số âm
- Số đối của số âm là số dương
- Số đối của số 0 là số 0

Kết quả 02:

- ✓ Nếu $a \geq 0$ thì $|a| = a$
- ✓ Nếu $a < 0$ thì $|a| = -a$.

Câu 2: Hoàn thành bảng sau

Số đã cho	Số đối	Giá trị tuyệt đối
5		
-7		
$\frac{3}{5}$		
$\sqrt{13}$		



Thầy Soạn Đồng Đa : ĐT/Zalo: 0984.001.065
Chuyên dạy và luyện thi toán từ lớp 6 đến lớp 12
Đ/c: Tầng 4 số nhà 5A ngách 53 ngõ 252 Tây Sơn, Đồng Đa, HN

$-\sqrt{3}$		
0		

Câu 3: Điền đáp án :

Số đối của số 0,75 là Số đối của số $-\frac{8}{15}$ là

Số đối của số $\sqrt{7}$ là Số đối của số 0 là

Câu 4: Điền đáp án

a) $\left|-\frac{8}{15}\right| = \dots\dots\dots$ b) $|\sqrt{7}| = \dots\dots\dots$ c) $|2,5| = \dots\dots\dots$ d) $|\sqrt{5}| = \dots\dots\dots$

Câu 5: Thực hiện phép tính :

a) $|-137| + |-163| = \dots\dots\dots$

b) $|-28| - |-98| = \dots\dots\dots$

c) $-200 - |-25| \cdot |3| = \dots\dots\dots$

Câu 6: Tìm số thực x biết :

a) $|x| = 9$ b) $|x| = \sqrt{7}$ c) $|x-2| = 0$ d) $|x| = -5$

III. SO SÁNH HAI SỐ THỰC

- Việc so sánh các số thực được làm tương tự như so sánh các số hữu tỉ viết dưới dạng số thập phân.



Thầy Soạn Đồng Đa : ĐT/Zalo: 0984.001.065
Chuyên dạy và luyện thi toán từ lớp 6 đến lớp 12
Đ/c: Tầng 4 số nhà 5A ngách 53 ngõ 252 Tây Sơn, Đống Đa, HN

- Đặc biệt, Với $a \geq 0, b \geq 0$, ta có

✓ $a = b \Leftrightarrow \sqrt{a} = \sqrt{b}$;

✓ $a < b \Leftrightarrow \sqrt{a} < \sqrt{b}$.

Câu 7: So sánh các số thực sau:

a) $\sqrt{144 \cdot 36}$ và $\sqrt{144} \cdot \sqrt{36}$;

b) $2\sqrt{13}$ và 8 .

c) 0,428571 và $\frac{3}{7}$;

d) -0,2653 và -0,265(3) .

IV. LÀM TRÒN SỐ VÀ ƯỚC LƯỢNG

1. Làm tròn theo chữ số

Qui tắc : Chính là qui tắc làm tròn hồi lớp 6 đã biết.

Câu 8: a) Làm tròn số : 45 987 634 đến chữ số chục (hàng chục)

b) Làm tròn số : 45 987 634 đến chữ số trăm (hàng trăm)

c) Làm tròn số : 45 987 634 đến chữ số nghìn (hàng nghìn)

d) Làm tròn : 43,2467 đến chữ số thập phân thứ nhất (hàng phần chục)

e) Làm tròn : 43,2467 đến chữ số thập phân thứ hai (hàng phần trăm)

f) Làm tròn : 43,2467 đến chữ số thập phân thứ ba (hàng phần nghìn)

2. Làm tròn theo độ chính xác

Qui tắc : Để làm tròn số a với độ chính xác d cho trước, ta sử dụng bảng sau:



Độ chính xác	Làm tròn số đến hàng
50	trăm
5	

- Câu 9: a) Làm tròn số : 23 615 với độ chính xác 5
b) Làm tròn số : 187 638 với độ chính xác 50
c) Làm tròn số : 78,362 với độ chính xác 0,05
d) Làm tròn số : -3,2475 với độ chính xác 0,005

Câu 10: Một hình vuông có cạnh là 12,3 cm. Tính diện tích hình vuông (làm tròn kết quả với độ chính xác 5)

BÀI TẬP VỀ NHÀ

PHẦN TRẮC NGHIỆM.

Câu 1: Phát biểu nào sau đây là **đúng**?

- A.** Số nguyên không phải số thực. **B.** Phân số không phải số thực.
C. Số vô tỉ không phải số thực. **D.** Cả ba loại số trên đều là số thực.

Câu 2: số đối của số 13 là

- A.** 13. **B.** -13. **C.** 0. **D.** 26.

Câu 3: số đối của số $-\sqrt{7}$ là

- A.** $\sqrt{7}$. **B.** $-\sqrt{7}$. **C.** 7. **D.** -7.



Thầy Soạn Đổng Đa : ĐT/Zalo: 0984.001.065
Chuyên dạy và luyện thi toán từ lớp 6 đến lớp 12
Đ/c: Tầng 4 số nhà 5A ngách 53 ngõ 252 Tây Sơn, Đống Đa, HN

Câu 4: Giá trị tuyệt đối của $-\frac{13}{4}$ là:

- A. $-\frac{13}{2}$. B. $\frac{13}{2}$. C. $-\frac{13}{4}$. D. $\frac{13}{4}$.

Câu 5: Kết quả $|\sqrt{5}|$ là

- A. $\sqrt{5}$. B. $-\sqrt{5}$. C. 5 . D. -5 .

Câu 6: Chọn khẳng định sai:

- A. $|-2,5| = 2,5$. B. $|0| = 0$. C. $|4| = \pm 4$. D. $|\sqrt{2}| > 0$.

Câu 7: Trên trục số biểu diễn như sau:



Độ dài đoạn thẳng AB là:

- A. -3. B. -7. C. 3. D. 7.

Câu 8: Tìm x biết $|x| = \frac{2}{3}$

- A. $x = \frac{2}{3}$. B. $x = -\frac{2}{3}$.
C. $x = \frac{2}{3}$ hoặc $x = -\frac{2}{3}$. D. Không có giá trị x nào thỏa mãn yêu cầu đề bài.

Câu 9: Làm tròn số 9,375 đến hàng phần mười ta được kết quả là:

- A. 9,3. B. 9,4. C. 9,37. D. 9,38.

Câu 10: Biết $\sqrt{11} = 3,31662479...$ Làm tròn số $\sqrt{11}$ với độ chính xác 0,005 ta được:

- A. 3,3. B. 3,31. C. 3,32. D. 3,4.

PHẦN TỰ LUẬN.



Thầy Soạn Đồng Đa : ĐT/Zalo: 0984.001.065

Chuyên dạy và luyện thi toán từ lớp 6 đến lớp 12

Đ/c: Tầng 4 số nhà 5A ngách 53 ngõ 252 Tây Sơn, Đồng Đa, HN

Câu 11: Thực hiện phép tính

a) $|-144| + |-356|$

b) $-|-22| - |68|$

c) $140 - |15| \cdot |-4|$.

Câu 12: Tìm x , biết

a) $|x| = 13$;

b) $|x - 3| = 0$

Câu 13: Một bức tường hình chữ nhật với chiều dài 4,82 m và chiều rộng 3,21 m. Hãy tính diện tích bức tường đó và làm tròn kết quả với độ chính xác 0,005.

Lời giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....



Thầy Soạn Đồng Đa : ĐT/Zalo: 0984.001.065
Chuyên dạy và luyện thi toán từ lớp 6 đến lớp 12
Đ/c: Tầng 4 số nhà 5A ngách 53 ngõ 252 Tây Sơn, Đồng Đa, HN



Thầy Soạn Đồng Đa : ĐT/Zalo: 0984.001.065

Chuyên dạy và luyện thi toán từ lớp 6 đến lớp 12

Đ/c: Tầng 4 số nhà 5A ngách 53 ngõ 252 Tây Sơn, Đồng Đa, HN